

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8202/UBND-GD

Hạ Long, ngày 21 tháng 10 năm 2022

V/v phê duyệt các khoản thu, mức thu của
các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông
công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long
năm học 2022-2023

Kính gửi:

- Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập
trên địa bàn thành phố Hạ Long.

Thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Hướng dẫn số 2905/SGDĐT-KHTC ngày 13/10/2022 về việc tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2022-2023 của Sở giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

Căn cứ vào tờ trình số 1136/PGDĐT ngày 16/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hạ Long về việc đề nghị phê duyệt các khoản thu, mức thu của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố năm học 2022-2023, UBND thành phố Hạ Long có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý các khoản thu, mức thu của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố (theo phụ biểu đính kèm).

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông có trách nhiệm: (1) Thu theo số tháng thực học, nhưng không quá 9 tháng/năm học; (2) Thực hiện đúng các khoản thu, mức thu, dự toán chi đã được thẩm định phê duyệt; (3) Thực hiện công khai kết quả phê duyệt các khoản thu, mức thu theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục; (4) Ngay sau khi kết thúc năm học hoặc kết thúc dịch vụ, thực hiện quyết toán từng khoản thu, nếu sử dụng kinh phí không hết thì phải trả lại cho cha mẹ học sinh, không được chuyển tiếp sang năm học sau, thông báo công khai kết quả thu, chi tới tất cả cha mẹ học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị; báo cáo về phòng Giáo dục và Đào tạo định kỳ 15/12 và 16/5 hằng năm; (5) Tiếp tục phối hợp với Ngân hàng cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Giao phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt, quy trình hồ sơ tổ chức các dịch vụ, hồ sơ tài liệu liên quan đến việc thỏa thuận dịch vụ và mức thu theo quy định, kết quả thẩm định nội dung chi, mức chi thực hiện làm căn cứ xây dựng mức thu các dịch vụ đảm bảo theo hướng dẫn 3025/HD- SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long yêu cầu các đơn vị triển khai và nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT tỉnh;
- Các PCT UBNDTP;
- Như kính gửi;
- Vo-V3;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị tính: Đồng

Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục													
TT	Tên Trường	Thuế người nấu ăn đồng/HS/tháng	Tổ chức bán trú		Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /năm học (HS toàn trường)	Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Pháp có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Ngoại ngữ tự chọn đồng/HS/giờ dạy	Nước uống 01 buổi/ngày Đồng/tháng	Nước uống 02 buổi/ngày đồng/tháng	Học Tin học đồng/HS/giờ dạy	Trông giữ xe đạp đồng /HS/tháng	Ghi chú
			Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/ngày									
I Vùng Thành thị													
1	Cao Thắng		125.500	22.000		30.000				13.000			QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
2	Cao Xanh	66.000	132.000	20.700	50.000	30.000				14.000			QĐ số 212/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
3	Bãi Cháy		132.000	22.000		30.000				12.500	4.500		QĐ 214/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
4	Hữu Nghị	68.200	132.000	20.600	50.000	30.000	30.000	6.000		12.000	4.500		QĐ số 190/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh, tiếng Pháp có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
5	Hà Khẩu		132.000	22.000	28.000	30.000				12.000	5.000		QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
6	Hà Lâm		132.000	22.000		30.000				13.000			QĐ số 179/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
7	Hạ Long ✓		132.000 ✓	22.000 ✓		30.000 ✓				13.000 ✓			QĐ số 208/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
8	Lê Hồng Phong		132.000	22.000		30.000				13.000			QĐ số 178/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghề, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN TRONG
CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hà Long)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận						Mức thu theo kế hoạch được phê duyệt
		Dạy và học kỹ năng sống Đồng/ giờ dạy	Dạy và học kỹ năng quản lý tài chính hướng nghiệp, khởi nghiệp Đồng/HS/giờ dạy	Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa Đồng/HS/ giờ dạy	Số liên lạc điện tử Đồng/HS/ tháng	Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học Theo số công tơ thực tế trên lớp		
I	Vùng Thành thị							
1	Cao Thắng	14.000						QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
2	Cao Xanh	16.000						QĐ số 212/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
3	Bãi Cháy	15.000						QĐ 214/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
4	Hữu Nghị							
5	Hà Khẩu	15.000			10.000			QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Số liên lạc điện tử); QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
6	Hà Lâm		13.000					QĐ số 179/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống)
7	Hà Long ✓	✓ 15.000						QĐ số 208/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
8	Lê Hồng Phong	15.000		20.000				QĐ số 178/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống; Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa)
9	Lý Thường Kiệt	15.000						QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
10	Minh Hà	15.000						QĐ số 203/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
11	Trời	15.000						QĐ số 199/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
12	Quang Trung	15.000		20.000	10.000			QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Số liên lạc điện tử); QĐ số 181/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa); QĐ số 202/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
13	Trần Hưng Đạo	16.000		20.000				QĐ số 180/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống; Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa)
14	Trần Quốc Toàn	15.000						QĐ số 200/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
15	Võ Thị Sáu	15.000	12.500					QĐ số 205/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Dạy và học kỹ năng sống; Dạy và học kỹ năng quản lý tài chính hướng nghiệp, khởi nghiệp)
16	Đại Yên	14.500						QĐ số 211/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
17	Nguyễn Bá Ngọc	15.000						QĐ số 201/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
18	Việt Hưng	15.000						QĐ số 197/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)